

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/KDTM-PT

Ngày: 13-4-2021

V/v tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền khai thác, quản lý
khoáng sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tuấn

Các Thẩm phán:

1. Ông Trần Tấn Quốc

2. Ông Trần Văn Quán

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2021/TLPT-KDTM ngày 02 tháng 02 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác, quản lý khoáng sản”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 12/2020/KDTM-ST ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2021/QĐ-PT ngày 09 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Ngọc H.

Địa chỉ: Khu công nghiệp HS, xã ĐHH, huyện ĐH, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Ngọc H – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1959. Địa chỉ: Số 76/39, Ô7, Khu B, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh Long An. (Văn bản ủy quyền ngày 09/3/2021)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Lật sư Lê Văn N - Công ty Luật Hợp danh Đông Á thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Phước.

2. *Bị đơn phản tố:* Công ty TNHH MTV TM DV XD V

Địa chỉ: Ấp BT, xã HKĐ, huyện ĐH, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn C – Giám đốc.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số 45A, đường L, Phường 2, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Ông Trần Tấn T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp 2, xã HT, huyện ĐH, tỉnh Long An.

3.3. Ông Trịnh Văn H2, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số 624B-626, đường HG, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.4. Ông Trịnh Thế S, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số 624B-626, đường HG, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ông Trịnh Văn H2 và ông Trịnh Thế S: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1959; Địa chỉ: Ô7, Khu B, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh Long An. (Là người đại diện theo ủy quyền, Văn bản ủy quyền ngày 29/10/2020).

4. *Người kháng cáo:* Công ty TNHH MTV TM DV XD V.

(Ông H1, ông C, ông T và Luật sư N có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 12/5/2020, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 12/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn H1 là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - Công ty TNHH Ngọc H trình bày:*

Do cần nguồn nguyên liệu để san lấp mặt bằng nên Công ty TNHH Ngọc H (gọi tắt là Công ty Ngọc H) thỏa thuận với Công ty TNHH MTV TM DV XD V (gọi tắt là Công ty V) về việc chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản tại bãi vật liệu xã HKN, huyện ĐH. Công ty V phải hoàn tất thủ tục pháp lý để Công ty Ngọc H khai thác. Ngày 12/12/2018, Công ty Ngọc H ứng trước cho Công ty V số tiền 200.000.000đ để cho Công ty V lo thủ tục pháp lý. Ngày 21/12/2018, Công ty V ký hợp đồng về việc chuyển nhượng quyền khai thác, quản lý khoáng sản tại xã HKN, huyện ĐH, tỉnh Long An với Công ty Ngọc H. Nội dung chính của hợp đồng là Công ty V giao diện tích đất 9,2ha, tờ bản đồ số 01, 05 tại xã HKN cho Công ty Ngọc H tiếp tục khai thác, giá trị hợp đồng là 3.000.000.000đ. Công ty Ngọc H đặt cọc trước 2.000.000.000đ, số tiền 1.000.000.000đ còn lại Công ty Ngọc H sẽ thanh toán sau khi hoàn thành việc bơm nước cạn không xì lỗ mồi. Công ty V có nghĩa vụ giao mặt bằng cho Công ty Ngọc H khai thác sau khi nhận tiền cọc. Đồng thời, phải lập xong các thủ tục thay đổi mục đích sử dụng khoáng

sản, xin phép khai thác, đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật sang cho Công ty Ngọc H trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận tiền cọc, để Công ty Ngọc H thực hiện khai thác khoáng sản. Từ khi nhận tiền cọc cho đến nay, Công ty V không hoàn thành được các thủ tục pháp lý nên Công ty Ngọc H không thể khai thác được. Ngày 05/4/2019 Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành công văn số 1174/STNMT-TN phúc đáp văn bản số 19/CV-SVĐV ngày 08/3/2019 của Công ty V với nội dung “Hiện nay thời hạn khai thác đất theo giấy phép số 2678/GP-UBND ngày 24/10/2008 của UBND tỉnh cấp cho Công ty V đã hết hạn, đồng thời theo số liệu báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng mà Công ty V cung cấp thì hiện tại phần diện tích 67.645m², Công ty V đã khai thác đến độ sâu cho phép”. Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị Công ty V thực hiện hoàn chỉnh các hạng mục đóng cửa mỏ. Ngày 29/10/2019, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Công văn số 4223/STNMT-TN về việc khai thác phần trữ lượng còn lại tại hầm đất của Công ty V. Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị Công ty V phải thực hiện các hạng mục đóng cửa mỏ theo các nội dung tại văn bản số 1174/STNMT-TN ngày 05/4/2019. Ngày 18/6/2020, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Công văn số 3532/STNMT-TN đề nghị UBND tỉnh Long An đóng cửa mỏ hầm đất của Công ty V tại xã HKN. Ngày 01/7/2020 UBND tỉnh Long An ban hành Công văn 3820/UBND-KTTC ngày 01/7/2020 về việc đóng cửa điểm mỏ khoáng sản đã cấp cho Công ty V huyện Đức Hòa. Nội dung công văn yêu cầu Công ty V liên hệ Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thành hồ sơ đóng cửa điểm mỏ khoáng sản đã khai thác trên địa bàn xã HKN trước ngày 09/7/2020. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với UBND huyện ĐH yêu cầu Công ty V đóng cửa mỏ khoáng sản đã được UBND tỉnh cho phép Công ty V khai thác, thời gian hoàn thành nhiệm vụ trước ngày 13/7/2020. Trường hợp Công ty V không thực hiện thủ tục theo thời gian quy định để đóng cửa điểm mỏ khoáng sản nêu trên, UBND tỉnh giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức nghiệm thu hiện trạng đất và tiến hành thủ tục đóng cửa điểm mỏ khoáng sản theo quy định của pháp luật.

Từ những nội dung nêu trên nay ông đại diện cho Công ty Ngọc H yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác, quản lý khoáng sản giữa Công ty Ngọc H với Công ty V ngày 21/12/2018. Buộc Công ty V phải trả cho Công ty Ngọc H số tiền đặt cọc, ứng trước là 2.200.000.000đ. Theo đơn khởi kiện ông yêu cầu tính lãi số tiền 2.200.000.000đ từ ngày 22/01/2019 cho đến khi xét xử. Tại phiên tòa ông yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 07/7/2020 cho đến khi xét xử ngày 20/11/2020, lãi suất 9%/năm, tính đến ngày 20/11/2020 là 04 tháng 13 ngày, tiền lãi là 72.148.000đ.

** Ông Nguyễn Văn Đ là người đại diện hợp pháp của bị đơn (có yêu cầu phản tố) - Công ty TNHH MTV TM DV XD V trình bày:*

Ngày 21/12/2018 Công ty V có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác, quản lý khoáng sản với Công ty Ngọc H về việc Công ty V đồng ý giao diện tích đất 92.000m², tờ bản đồ số 01, 05 tại xã HKN cho Công ty Ngọc H khai thác. Trong đó, diện tích 8,2ha đã có giấy phép khai thác, còn 01ha chưa đền bù thì Công ty Ngọc H đồng ý giao cho Công ty V đền bù với giá 4.000.000.000đ. Theo

thỏa thuận, trong vòng 30 ngày sau khi nhận tiền cọc thì Công ty V lập các thủ tục để tiếp tục khai thác trữ lượng còn lại và thay đổi người đại diện Công ty V cho người của Công ty Ngọc H làm giám đốc. Đồng thời, điều chỉnh vốn góp để Công ty Ngọc H góp vốn 90%. Ông C là giám đốc Công ty V còn 10%. Sau khi có chủ trương cho phép khai thác, ông C sẽ chuyển 10% vốn góp cho Công ty Ngọc H. Ngày 21/12/2018 Công ty Ngọc H chuyển số tiền 2.000.000.000đ cho Công ty V. Công ty V đã thực hiện các thủ tục cần thiết để xin chủ trương cho phép khai thác trữ lượng đất còn lại trên diện tích đất đã khai thác và xin tiếp tục khai thác đối với diện tích còn lại đã được cấp phép nhưng chưa khai thác. Về phần thay đổi vốn góp và người đại diện theo pháp luật. Công ty V yêu cầu Công ty Ngọc H cung cấp giấy tờ cần thiết về việc cử người đứng tên vốn góp và người đại diện theo pháp luật nhưng Công ty Ngọc H không cung cấp. Trong thời gian chờ cơ quan có thẩm quyền xem xét cấp phép khai thác trữ lượng còn lại, Công ty V đã thuê người tiến hành bơm nước ra khỏi hầm, kiểm tra hầm đất khai thác không bị xì lỗ mọi theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Nay ông đại diện cho công ty V đồng ý hủy hợp đồng như Công ty Ngọc H yêu cầu. Đồng ý trả lại số tiền 2.000.000.000đ. Theo đơn phản tố ngày 21/8/2020 ông yêu cầu Công ty Ngọc H phải trả lại cho Công ty V số tiền bơm nước ra khỏi hầm đất số tiền 900.000.000đ. Tại phiên tòa ông yêu cầu khấu trừ 450.000.000đ tiền bơm nước. Số tiền còn lại 1.550.000.000đ đồng ý trả lại. Đối với số tiền 200.000.000đ cá nhân ông C nhận của ông Trịnh Văn H2, đây là tiền hỗ trợ để làm chi phí xin tận thu hầm đất, đã chi phí hết nên không đồng ý trả lại. Hợp đồng không thỏa thuận việc tính lãi nên không đồng ý trả lãi.

* Ông Nguyễn Văn Đ là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ông Nguyễn Văn C trình bày: Ngày 12/12/2018, Ông Nguyễn Văn C có nhận số tiền của ông Trịnh Văn H2 200.000.000đ để lo chi phí xin tận thu hầm đất, đây là số tiền cá nhân ông C nhận của ông H2 để lo thủ tục và đã chi phí hết nên Công ty Ngọc H yêu cầu Công ty V trả lại ông C không đồng ý.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Trần Tấn T trình bày: Theo hợp đồng khoán việc ngày 01/3/2019 ông có bơm nước ra khỏi hầm đất từ tháng 3 năm 2019 đến tháng 5 năm 2020, ông có nhận số tiền 900.000.000đ từ Công ty V. Nay ông không có ý kiến, yêu cầu gì trong vụ án này, vì bận công việc ông xin vắng mặt tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử của Tòa án.

* Ông Nguyễn Văn H1 là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Trịnh Văn Hải trình bày: Ông H2 không đưa số tiền 200.000.000đ cho Ông Nguyễn Văn C như ông Đạt đã trình bày.

* Ông Nguyễn Văn H1 là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Trịnh Thế S trình bày: Ông Sơn không đưa số tiền 200.000.000đ cho Ông Nguyễn Văn C như bản tự khai ngày 04/6/2020 của ông Đ.

* Ông Nguyễn Văn H1 đại diện hợp pháp của nguyên đơn – Công ty TNHH Ngọc H trình bày ý kiến bổ sung: Ông xác định bà H là giám đốc Công ty Ngọc H có đưa 200.000.000đ cho Công ty V, người nhận là Ông Nguyễn Văn C, giám đốc

Công ty đề làm thủ tục xin tận thu hầm đất. Việc đại diện bị đơn yêu cầu Công ty Ngọc H khấu trừ số tiền 450.000.000đ bơm nước ra khỏi hầm đất ông không đồng ý vì theo hợp đồng thỏa thuận Công ty Ngọc H sẽ bơm nước nhưng vì thủ tục pháp lý chưa xong nên Công ty Ngọc H chưa bơm nước. Công ty V tự bơm nước nhưng không thỏa thuận gì với Công ty Ngọc H nên tự chịu chi phí này. Đối với việc tính lãi số tiền 2.200.000.000đ yêu cầu Công ty V phải trả vì từ khi Công ty Ngọc H chuyển tiền cho Công ty V cho đến khi UBND tỉnh yêu cầu Công ty V đóng cửa mỏ khoáng sản, Công ty V vẫn chưa trả số tiền này lại cho Công ty Ngọc H, do Công ty V chậm trả tiền cho Công ty Ngọc H nên yêu cầu trả tiền lãi.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 12/2020/DS-ST ngày 20/11/2020, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa đã căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005; Án lệ 09/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao thông qua ngày 17/10/2016; khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2, 5 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Ngọc H về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác, quản lý khoáng sản” đối với Công ty TNHH MTV TM DV XD V.

Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác, quản lý khoáng sản ngày 21/12/2018 giữa Công ty TNHH MTV TM DV XD V với Công ty TNHH Ngọc H.

Công ty TNHH MTV TM DV XD V có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH Ngọc H số tiền 2.200.000.000đ (Hai tỷ hai trăm triệu đồng) và tiền lãi 72.148.000đ (Bảy mươi hai triệu một trăm bốn mươi tám ngàn đồng). Tổng cộng là 2.272.148.000đ (Hai tỷ hai trăm bảy mươi hai triệu, một trăm bốn mươi tám ngàn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH MTV TM DV XD V về việc yêu cầu khấu trừ số tiền 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án bên có nghĩa vụ chưa thi hành số tiền thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH MTV TM DV XD V chịu 100.943.000đ được khấu trừ 19.500.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0006164 ngày 31/8/2020, Công ty TNHH MTV TM DV XD V còn phải nộp số tiền 81.443.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Công ty Công ty TNHH Ngọc H chịu án phí 1.500.000đ, được khấu trừ 3.000.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005149 ngày 14/5/2020, hoàn lại 1.500.000đ

và được hoàn lại 40.585.000đ theo biên lai thu số 0005155 ngày 14/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 02/12/2020, Công ty TNHH MTV TM DV XD V kháng cáo không đồng ý một phần bản kinh doanh thương mại sơ thẩm, cụ thể:

- Theo Hợp đồng về việc chuyển nhượng quyền khai thác, quản lý khoáng sản xác lập giữa Công ty TNHH MTV TM DV XD V với Công ty TNHH Ngọc H ngày 21/12/2018 thì hai bên không có thỏa thuận về việc tính tiền lãi hay bồi thường thiệt hại đối với số tiền đặt cọc là 2.000.000.000 đồng. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm tính tiền lãi của số tiền đặt cọc này là không đúng.

- Đối với số tiền chi phí xin tận thu hàm đất là 200.000.000 đồng: Ông Nguyễn Văn C nhận số tiền này từ ông Trịnh Văn Hải với tư cách là cá nhân ông C. Do đó, Công ty TNHH MTV TM DV XD V không đồng ý trả số tiền 200.000.000 đồng cho Công ty TNHH Ngọc H và cũng không đồng ý việc Tòa án cấp sơ thẩm tính tiền lãi của số tiền này.

** Luật sư Lê Văn N - Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu ý kiến:*

- Đối với số tiền 2.000.000.000 đồng:

Xét tại Điều 3 của Hợp đồng về việc chuyển nhượng quyền khai thác, quản lý khoáng sản xác lập ngày 21/12/2018 nói trên thì các đương sự có thỏa thuận: “*Bên A cam kết nếu UBND tỉnh không cho phép tiếp tục khai thác thì phải hoàn trả lại số tiền mà bên B đã thanh toán cho Bên A 2.000.000.000đ trong vòng 05 ngày kể từ khi có thông báo của UBND tỉnh*”. Đến ngày 01/7/2020, UBND tỉnh Long An ban hành Công văn số 3820/UBND-KTTC về việc đóng cửa điểm mỏ khoáng sản đã cấp cho Công ty V và yêu cầu Công ty V thực hiện thủ tục đóng cửa điểm mỏ khoáng sản đã khai thác trên địa bàn xã HKN. Tuy nhiên, cho đến nay, Công ty V không trả lại cho Công ty Ngọc H số tiền 2.000.000.000 đồng như đã thỏa thuận trong hợp đồng. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xử buộc Công ty V có nghĩa vụ hoàn trả cho Công ty Ngọc H số tiền 2.000.000.000 đồng là có căn cứ và buộc phía bị đơn trả cho phía nguyên đơn số tiền lãi theo mức lãi suất 09%/năm là có lợi cho phía bị đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữa nguyên phần này.

- Đối với số tiền 200.000.000 đồng:

Xét khi ông C nhận số tiền 200.000.000 đồng từ ông Hải thì ông C là Giám đốc Công ty V, mục đích nhận số tiền này là để ông C thực hiện các thủ tục tận thu hàm đất tại xã HKN, huyện ĐH, tỉnh Long An. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xử buộc Công ty V có nghĩa vụ hoàn trả cho Công ty Ngọc H số tiền 200.000.000 đồng là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn H1 là người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH Ngọc Hương tự nguyện không yêu cầu tính tiền lãi của của số tiền

200.000.000 đồng nói trên, xét đây là tự nguyện của phía nguyên đơn và có lợi cho phía bị đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận và sửa một phần bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm về phần này.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử phúc thẩm nghị án, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ xây dựng V thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Về số tiền 2.000.000.000 và lãi suất chậm trả, theo như hợp đồng thỏa thuận đối với trường hợp UBND tỉnh Long An không phê duyệt dự án khai thác mỏ thì bên nhận tiền phải hoàn trả lại sau 5 ngày. Tuy nhiên sau 5 ngày sau khi UBND tỉnh Long An không phê duyệt dự án thì Công ty V không trả lại tiền đã nhận cho Công ty Ngọc H. Do đó yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc Công ty V trả 2.000.000.000đ và lãi suất là phù hợp. Còn đối với số tiền 200.000.000đ, ông C cho rằng ông nhận tiền với tư cách cá nhân và nhận của cá nhân ông Hải, nhưng thời điểm đó ông C là giám đốc cho Công ty V, ông Hải thì cho rằng đó là tiền của Công ty Ngọc H chứ không phải cá nhân. Do đó nguyên đơn yêu cầu Công ty V trả số tiền 200.000.000đ là phù hợp. Về lãi suất của số tiền này, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn xin rút lại do đó đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ ý kiến và quan điểm trên, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ xây dựng V; sửa một phần bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm theo như các ý kiến đã phân tích trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ xây dựng V thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH MTV TM DV XD V, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Đối với số tiền 2.000.000.000 đồng:

Xét ngày 21/12/2018, Công ty V và Công ty Ngọc H có ký kết Hợp đồng về việc chuyển nhượng quyền khai thác, quản lý khoáng sản tại xã ĐHN, huyện ĐH, tỉnh Long An với giá 3.000.000.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng, Công ty Ngọc H đã thanh toán cho Công ty V số tiền 2.000.000.000 đồng. Do hợp đồng này không thực hiện được nên hai bên thống nhất yêu cầu hủy hợp đồng, xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự nên được công nhận.

Xét tại Điều 3 của Hợp đồng về việc chuyển nhượng quyền khai thác, quản lý khoáng sản xác lập ngày 21/12/2018 nói trên thì các đương sự có thỏa thuận: *“Bên A cam kết nếu UBND tỉnh không cho phép tiếp tục khai thác thì phải hoàn trả lại số tiền mà bên B đã thanh toán cho Bên A 2.000.000.000đ trong vòng 05 ngày kể từ khi có thông báo của UBND tỉnh”*. Như vậy, các đương sự có thỏa thuận nếu UBND tỉnh Long An không cho phép khai thác thì Công ty V phải hoàn trả Công ty Ngọc H số tiền đã thanh toán là 2.000.000.000 đồng trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày có Thông báo của UBND tỉnh. Đến ngày 01/7/2020, UBND tỉnh Long An ban hành Công văn số 3820/UBND-KTTC về việc đóng cửa điểm mỏ khoáng sản đã cấp cho Công ty V và yêu cầu Công ty V thực hiện thủ tục đóng cửa điểm mỏ khoáng sản đã khai thác trên địa bàn xã HKN. Tuy nhiên, cho đến nay, Công ty V không trả lại cho Công ty Ngọc H số tiền 2.000.000.000 đồng như đã thỏa thuận trong hợp đồng. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xử buộc Công ty V có nghĩa vụ hoàn trả cho Công ty Ngọc H số tiền 2.000.000.000 đồng là có căn cứ.

Về tiền lãi: Do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên Công ty V phải chịu tiền lãi của số tiền chậm trả kể từ ngày 07/7/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/11/2020) là 04 tháng 13 ngày. Theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, do Công ty Ngọc H yêu cầu tính tiền lãi theo mức lãi suất 09%/năm, tức 0,75%/tháng là thấp hơn mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 là có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận. Do đó, buộc Công ty V phải thanh toán tiền lãi cho Công ty Ngọc H số tiền lãi là: 2.000.000.000 đồng x 4 tháng 13 ngày x 0,75%/tháng = 66.500.000 đồng.

[2.2] Đối với số tiền 200.000.000 đồng:

Xét trong quá trình giải quyết vụ án, Ông Nguyễn Văn C thừa nhận có nhận từ ông Trịnh Văn Hải số tiền 200.000.000 đồng. Mục đích nhận số tiền này là để ông C thực hiện các thủ tục tận thu hầm đất tại xã HKN, huyện ĐH, tỉnh Long An trước khi Công ty TNHH V và Công ty Ngọc H đã ký Hợp đồng về việc chuyển nhượng quyền khai thác, quản lý khoáng sản ngày 21/12/2018. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông C trình bày ông đồng ý trả cho ông Hải số tiền 200.000.000 đồng này. Công ty V không đồng ý trả cho Công ty TNHH Ngọc H số tiền này. Bởi lẽ, khi ông C nhận số tiền 200.000.000 đồng từ ông Hải là nhận tiền mặt chứ Công ty TNHH Ngọc H không có chuyển khoản cho Công ty V. Xét khi ông C nhận số tiền 200.000.000 đồng từ ông Hải thì ông C là Giám đốc Công ty V, mục đích nhận số

tiền này là để ông C thực hiện các thủ tục tận thu hầm đất tại xã HKN, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xử buộc Công ty V có nghĩa vụ hoàn trả cho Công ty Ngọc H số tiền 200.000.000 đồng nói trên là có căn cứ.

Về tiền lãi: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn H1 là người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH Ngọc H tự nguyện không yêu cầu tính tiền lãi của số tiền 200.000.000 đồng nói trên, xét đây là tự nguyện của phía nguyên đơn và có lợi cho phía bị đơn nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty V về việc không yêu cầu tính tiền lãi của số tiền 200.000.000 đồng.

[2.3] Đối với yêu cầu phản tố của Công ty V về việc yêu cầu khấu trừ số tiền 450.000.000 đồng mà Công ty V đã thuê ông Trần Tấn T bơm nước. Xét Tòa án cấp sơ thẩm đã xử không chấp nhận yêu cầu phản tố này của phía bị đơn. Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị nên phần này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Từ nhận định ở đoạn [2], Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty V, sửa một phần bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên.

[4] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm và án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm theo quy định tại các Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể:

Công ty TNHH Ngọc H và Công ty TNHH MTV TM DV XD V mỗi bên phải chịu 1.500.000 đồng tiền án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm không có giá ngạch về việc cùng chung yêu cầu hủy Hợp đồng về việc chuyển nhượng quyền khai thác, quản lý khoáng sản tại xã Đức Hòa Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xác lập giữa Công ty TNHH MTV TM DV XD V với Công ty TNHH Ngọc H ngày 21/12/2018 được Tòa án chấp nhận.

Công ty TNHH MTV TM DV XD V phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm đối với một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Ngọc Hương Long An được chấp nhận là: $72.000.000 \text{ đồng} + 02\% (2.266.500.000 \text{ đồng} - 2.000.000.000 \text{ đồng}) = 77.330.000 \text{ đồng}$.

Công ty TNHH MTV TM DV XD V phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố về việc yêu cầu Công ty TNHH Ngọc H trả 450.000.000 đồng tiền bơm nước không được Tòa án chấp nhận là: $20.000.000 \text{ đồng} + 04\% \times (450.000.000 \text{ đồng} - 400.000.000 \text{ đồng}) = 22.000.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, Công ty TNHH MTV TM DV XD V phải chịu tổng cộng: 1.500.000 đồng + 77.330.000 đồng + 22.000.000 đồng = 100.830.000 đồng tiền án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm.

Công ty TNHH MTV TM DV XD V không phải chịu án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH MTV TM DV XD V.

- Sửa một phần Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 12/2020/DS-ST ngày 20/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Ngọc H về việc yêu cầu hủy hợp đồng về việc chuyển nhượng quyền khai thác, quản lý khoáng sản.

Hủy Hợp đồng về việc chuyển nhượng quyền khai thác, quản lý khoáng sản tại xã Đức Hòa Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xác lập giữa Công ty TNHH MTV TM DV XD V với Công ty TNHH Ngọc H ngày 21/12/2018.

Buộc Công ty TNHH MTV TM DV XD V có nghĩa vụ hoàn trả cho Công ty TNHH Ngọc H tổng cộng 2.266.500.000 đồng (hai tỷ hai trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng) gồm các khoản sau: 200.000.000 đồng đã nhận để lo thủ tục xin tận thu hầm đất, 2.000.000.000 đồng tiền nhận đặt cọc và 66.500.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH MTV TM DV XD V về việc yêu cầu khấu trừ số tiền 450.000.000đ (bốn trăm năm mươi triệu đồng).

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Buộc Công ty Công ty TNHH Ngọc H phải nộp 1.500.000 đồng tiền án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm nhưng được khấu trừ 3.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005149 ngày 14/5/2020 và 40.585.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005155 ngày 14/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa nên hoàn trả cho Công ty Công ty TNHH Ngọc H 42.085.000 đồng (bốn mươi hai triệu không trăm tám mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm còn thừa.

Buộc Công ty TNHH MTV TM DV XD V phải nộp 100.830.000 đồng tiền án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm nhưng được khấu trừ 19.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0006164 ngày 31/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa nên Công ty TNHH MTV TM DV XD V còn phải nộp tiếp 81.330.000 đồng (tám mươi một triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng).

4. Về án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm:

Hoàn trả cho Công ty TNHH MTV TM DV XD V 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0007050 ngày 09/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Tuấn

